



tūn shí
吞食

verb · to devour, to swallow

Example Sentences

Shé tūn shí le yī zhī lǎo shǔ
蛇吞食了一只老鼠。

The snake devoured a mouse.

Dà huǒ xùn sù tūn shí le zhěng gè sēn lín
大火迅速吞食了整个森林。

The fire quickly devoured the entire forest.

Zhè zhǒng bìng dú huì tūn shí rén tǐ de miǎn yì xì bāo
这种病毒会吞食人体的免疫细胞。

This virus devours the body's immune cells.

Trace each character, then write the word on your own.

吞	吞	吞	吞	吞	吞	吞	吞	吞	吞
食	食	食	食	食	食	食	食	食	食
食									